

Chủ Nghĩa Bành Trướng Là Nét Đặc Trưng Độc Đáo Nhất Trong Sự Hình Thành Nước Trung Quốc: Tính Hiếu Chiến:

Khảo cứu về lịch sử, triết học cũng như văn hóa Trung Quốc là một việc làm vô cùng khó khăn.

Trước hết, về tác phẩm bất cứ thuộc loại nào cũng quá nhiều, nhiều không thể tưởng tượng được. Chẳng hạn trên một trăm tác phẩm giá trị liên quan đến Kinh Dịch. Thơ Đường cũng nhiều vô số. Tài liệu đời Thanh ghi có 48.900 bài thơ của 2300 thi sĩ. Riêng Bạch Cư Dị làm tới 4000 bài.

Cái khó khăn thứ hai là não trạng độc tôn độc hữu của dân gốc văn hóa du mục thường có thói quen chiếm đoạt cái gì họ cần, còn những thứ khác thì họ đốt sạch. Nhà Tây Chu đốt hết văn khố của nhà Thương vào năm 1050 trước Tây lịch. Tinh thần độc tôn độc hữu đã được thực hiện triệt để đến nỗi nhà Thương suýt bị xóa tên khỏi lịch sử Trung Quốc, nếu không nhờ các cuộc thám quật quan trọng từ năm 1928 đến 1972.

Sách viết về thời Xuân Thu Chiến Quốc đã bị Tần Thủy Hoàng thiêu hủy mà trước thời Xuân Thu Chiến Quốc là thời gian quan trọng nhất để biết về nguồn gốc và sự hình thành văn minh HOÀNG HÀ.

Cái thói quen “*điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa*” của sử liệu đã được các sử gia Trung Quốc áp dụng triệt để trong ý đồ cố lấp đầy thời khuyết sử bằng cái họ gọi là Tam Hoàng, Ngũ Đế.

Theo sử gia W. Eberhard vào khoảng năm 459 trước Tây lịch...một học giả nào đó đã mang Hoàng đế, một vị thần nhỏ trong địa phận Sơn Đông lên làm vua đầu tiên của dân Trung Hoa. Hành động suy cử này nhằm giúp một vài lãnh chúa thời đó nhận quàng là hậu duệ Hoàng đế để chính thức hóa việc tranh ngôi thiên tử với nhà Chu. Thuận theo đó, dần dần Hoàng Đế đã được hầu hết giới quý tộc Trung Hoa tôn làm thủy tổ. Đã có thủy tổ rồi tất nhiên phải kiếm thêm, hoặc tạo thêm vài vị vua khác như Toại Nhân, Thần Nông, Phục Hy cho đủ Tam Hoàng Ngũ Đế (W. Eberhard, “History de la Chine”. Payot 1952, trang 38). Giả thuyết này giúp cho sự giải thích vì sao Khổng Tử không hề nhắc đến hoàng đế. Phải chăng vì thuở sinh thời của Khổng Tử, ông thủy tổ của Trung Hoa còn đang ngôi ở một ngôi miếu nhỏ tại nơi “*khỉ ho cò gáy*” nào đó trong tỉnh Sơn Đông!

Nỗi khó khăn thứ ba là vấn đề “*ngụy thư*”. Loại này thì quá nhiều. Lý do chủ quan chính yếu rất có thể là một hành vi cố tình xóa bỏ gốc du mục Bắc Dịch - Tây Nhung của tổ tiên mình, cũng như phủ nhận sự thâm hóa tinh hoa văn hóa của các dân tộc bản địa trong quá trình

hình thành một quốc gia tinh hoa độc tôn nằm chính giữa thiên hạ (Trung Hoa). Lịch sử dựng nước của một dân tộc tự xưng là “con trời” có nhiệm vụ vương hóa các dân tộc hạ đẳng (Bắc Địch, Nam Man, Đông Di, Tây Nhung) do đó phải được viết sao cho xứng hợp với thiên mệnh được giao phó (1).

Trong bài tựa của cuốn China do Caroline Blunden và giáo sư Mark Elvin của đại học Oxford làm chủ biên, một câu hỏi được nêu lên: “Liệu ngay cả chính người Trung Hoa có bao nhiêu ý niệm về Tung Quốc xưa kia thực sự ra làm sao? Đây là một nền văn minh cổ xưa nhất của thế giới còn tồn tại, xét theo sự liên tục về văn hóa, vậy mà quá khứ của họ đã bị hiệu đính (re - edited) liên miên thay vì thực sự bảo tồn... Chẳng những vậy, ngày nay đã chẳng còn bao nhiêu tài liệu nguyên bản. Hầu hết chỉ là những bản sao...đôi lúc kể cả những họa phẩm (2).

Đặc tính nổi bật nhất của văn minh Trung Quốc được thể hiện rõ nét trong lịch sử hình thành nước Trung Quốc là “chủ nghĩa bành trướng” với óc độc tôn độc hữu của nền văn hóa gốc du mục.

Theo Lương Khải Siêu (1873-1929), một trong số học giả hiếm hoi của Trung Quốc đã thừa nhận rằng người Trung Hoa có nguồn gốc du mục, khởi lên từ miền Tây Bắc rồi tràn xuống xâm chiếm đất đai của Man tộc ở lưu vực sông Hoàng Hà (3).

Khoảng 3000 năm trước Tây lịch, dân du mục người Khương (cổ Tây Tạng) từ phía Tây tới chiếm đất đai của những dân cư ở vùng thảo nguyên phía Tây Bắc Hoàng Hà. Trong lúc đó dân du mục cổ Turkic (Thổ Nhĩ Kỳ) từ Tây Bắc đến chiếm đất đai của người Di ở bình nguyên Hoàng Hà.

Dần dần, dân du mục được thuần hóa phần nào bởi văn minh nông nghiệp trồng khô đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc.

Nhà Hạ (2205 - 1766) và nhà Thương (1766 - 1123) được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa tổng hợp du mục và nông nghiệp trồng khô: văn minh Hoàng Hà.

Ngay từ thế kỷ thứ VI trước Tây lịch, Khổng Tử, khi viết về nhà Thương đã than rằng: làm sao bàn được lễ tục của họ? Tài liệu thì chẳng còn mà người hiền cũng đã mất. Vì thế các sử gia đầu thế kỷ 20 đã định xếp cả hai thời kỳ nhà Hạ và nhà Thương vào huyền sử và coi như Tây Chu là triều đại tiên khởi của Trung Quốc.(4)

Vua Trụ (cuối đời nhà Thương) tàn bạo, hoang dâm bất tận. Dân trong nước nổi loạn khắp nơi. Nhà Tây Chu thuộc bộ lạc du mục Tây Di, cấu kết với tộc Khương (cổ Tây Tạng) đã diệt nhà Thương.

Nhà Chu là triều đại cầm quyền lâu nhất ở Trung Hoa (1122- 225). Nhà Chu thiết lập chế độ phong kiến, phong đất cho thân thích và công thần, mỗi người làm chư hầu một nơi để trấn áp các dân tộc chưa thần phục nhà Chu.

Năm 671 trước Tây lịch, Chu Huệ Vương ra lệnh cho Sở Thành Vương phải trấn dẹp loạn Di Việt ở phương Nam. Với vũ khí văn hóa vô song là chữ viết tượng hình, tượng ý, cũng như các định chế xã hội thâm hóa được từ nền văn minh nông nghiệp nhưng lấy văn hóa du mục làm chủ đạo. Nhà Chu đã trở thành mẫu mực định hướng cho các triều đại kế tục.

Trong quá trình chuyển hóa từ văn minh du mục sang du canh du cư rồi đến định canh định cư theo quy luật đào thải của sức mạnh cũng như nhu cầu bảo vệ hoặc lấn chiếm đất đai, mùa màng, hàng ngàn bộ lạc nhỏ thời Tây Chu đã hợp lại thành khoảng 100 chư hầu vào thời đầu Đông Chu, rồi xuống tới 14 nước vào thời Xuân Thu. Trong số này chỉ có 5 nước hùng cường: Tề, Tần, Tống, Tấn, Sở. Cuối thời Xuân Thu có thêm hai nước hùng mạnh là Ngô và Việt ở Đông Nam.

Bước sang thời chiến quốc thì có thất hùng: Tề, Hán, Ngụy, Triệu, Tần, Sở, Yên. Những nước này gây hấn, đánh nhau liên miên (5).

Như vậy thời Xuân Thu Chiến Quốc (770-221 trước Tây lịch) cái nước mà ngày nay người ta gọi là Trung Quốc mới được tạo dựng lên ở mạn trung lưu Hoàng Hà và nền văn minh Trung Quốc ban đầu là nền văn minh Hoàng Hà ranh giới khoảng ba tỉnh bây giờ: Sơn Tây (quê hương của đế Nghiêu), Hà Nam (quê hương của Hạ Vũ, kinh đô nhà Thương), Thiểm Tây với núi Kỳ sông Vị (quê hương của nhà Chu).

Xin mở dấu ngoặc nơi đây: Khảo cổ học với những tài liệu vật chất lấy lên từ trong lòng đất Việt. Những thám quật này được tính tuổi bằng carbon 14. Chúng là di tích của văn hóa Hoà Bình. Người ta biết đó là dấu tích của cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời cách nay trên dưới một vạn năm (6). Một cuộc cách mạng nông nghiệp xảy ra trên toàn vùng Đông Nam Á có thiên nhiên phong phú và đa dạng, mà nông nghiệp là khởi đầu của văn minh nhân loại.

Như vậy, Khổng Tử (496 - 483) bôn ba các nước vào thời Xuân Thu Chiến Quốc ở mạn trung lưu Hoàng Hà với ranh giới 3 tỉnh bây giờ là Sơn Tây, Hà Nam, Thiểm Tây và một vài tỉnh chung quanh như Sơn Đông, Hà Bắc.

Nếu thật như lời Khổng Tử nói rằng ông không sáng tác kinh điển mà chỉ san định, chỉ thuật lại đạo cổ xưa thì ông chỉ thuật lại những việc, những điều, những suy tư của nhóm Bách Việt ở phía nam sông Hoàng Hà và phía Bắc sông Dương Tử.

Điều chắc chắn Khổng Tử không biết gì về cách sống hay đạo sống của cư dân Hoà Bình, Bắc Sơn (Lạc Việt) tiền thân của dân tộc Việt Nam (vấn đề không thuộc bài này, sẽ triển khai ở dịp khác).

Thuyết Liên Hoàn của Trương Nghi đã giúp Tần Doanh Chính diệt nhà Chu (221 trước Tây lịch) thống nhất Trung Quốc, chấm dứt 500 năm loạn lạc chiến tranh triền miên.

Sau khi diệt Đông Chu, Tần Thủy Hoàng đã thôn tính các chư hầu, trở thành vị Hoàng Đế thống nhất Trung Hoa đầu tiên trong lịch sử Tàu. Quốc hiệu người Âu gọi nước Tàu là China hay Chine là do phiên âm chữ Tần mà ra.

Sau khi thống nhất Trung Quốc, Tần Thủy Hoàng sai tướng Đồ Thư đánh chiếm đất Bách Việt. **Quân Tàu vượt sông Dương Tử chiếm Qui Châu, Hồ Nam, Giang Tây, Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam.**

Nhà Tần phát khởi từ miền biên tái viễn Tây Trung Quốc, trong một thời gian ngắn ngủi 15 năm mà nhà Tần đã bành trướng lãnh thổ từ nam Mông Cổ đến tận Quảng Đông, Quảng Tây.

Cuộc bành trướng về phía Nam của người Trung Quốc đã làm phong phú hóa cuộc sống cho người Tàu nguyên thủy và nền văn hóa Hoàng Hà của họ.

Tóm lại, sự hình thành văn hóa Trung Quốc đã được xây dựng bởi các nền văn hóa du mục từ phương Bắc và Tây Bắc (Thương & Chu) và ảnh hưởng nông nghiệp trồng khô (Hoàng Hà) và văn hóa trồng lúa nước của phương Nam. Điều này phù hợp với thuyết của Joseph Needham: có 4 nền văn hóa cổ đại hội tụ thành văn hóa Trung Quốc:

- 1-Văn hóa du mục cổ Tungusic (Mãn) từ phía Bắc
- 2-Văn hóa du mục cổ Turkic (Thổ Nhĩ Kỳ)
- 3-Văn hóa Tibetan (Khương) từ phía Tây
- 4-Và văn hóa trồng lúa nước từ phía Nam và Đông Nam

Khi Tần Thủy Hoàng (khoảng 214 trước Tây lịch) đem quân tiến chiếm xuống phía Nam vượt Trường Giang tới vùng văn hóa lúa nước, đồng hóa những cư dân phía nam tới Lương Quảng. Như vậy văn hóa lúa nước chồng lên văn hóa Hoàng Hà cổ truyền đã biến thành một sắc thái mới của Văn Hóa Trung Quốc.

Có thể hình dung cơ cấu văn hóa Trung Quốc như sau:

Văn Hóa Trung Hoa	=	Văn Hóa Lưu Vực Sông Hoàng Hà	+	Văn Hóa Nông Nghệp Lúa Nước Đông Nam Á
		Văn Hóa Du Mục Tây Bắc	+	Văn Hóa Nông Nghiệp Khô Trung Nguyên

Chiếm xong Lương Quảng, Tần Thủy Hoàng còn ra lệnh cho tướng Đồ Thư (năm 214, Thủy Hoàng thứ 33) đem 500 ngàn quân đánh chiếm nước Âu Lạc của Việt Nam. Càng tiến sâu vào đất Việt quân Tần bị người Âu Việt, Lạc Việt anh dũng chống lại. Người Âu Lạc vận dụng nhân dân các tộc khác cùng đánh quân Tần. Quân lính tam rút vào rừng núi, dùng chiến thuật tiêu thổ và du kích đêm đêm xuất hiện tập kích quân Tần.

Người Việt khán chiến quyết liệt, kiên trì chiến đấu lâu dài. Hàng chục vạn quân Tần bị tiêu diệt. Chủ tướng Đồ Thư tử trận: quân Tần phải bãi binh.

Lý do bãi binh này Sử ký Tư Mã Thiên viết: Lúc bấy giờ nhà Tần ở phía Bắc thì mắc họa với người Hồ, ở phía Nam thì mắc họa với người Việt. Đóng binh ở đất vô dụng, tiến không được, thoái cũng không xong. Trải hơn mười năm, đàn ông phải mặc áo giáp, đàn bà phải chuyên chở, khổ không sống nổi, người ta thắt cổ trên cây dọc đường... Kịp khi Tần Thủy Hoàng mất thì cả thiên hạ nổi lên chống đối (Sử Ký, 9,112).

Muốn biết khả năng và chính sách đồng hóa thâm độc của người Tàu đáng sợ như thế nào, ta nên nhớ tại Hoa Nam có nhiều giống dân khác hẳn tộc Hán từ nguồn gốc (Bách Việt chẳng hạn) ngôn ngữ, đặc tính, nghệ thuật, phong tục, luân lý và chế độ chính trị, vv... thế mà ngày nay người Hoa Nam nào cũng vỗ ngực tự xưng là người Hán, kể cả ông Tôn Dật Tiên cũng cho mình là người Tàu chính gốc.

Là người Việt Nam có lẽ ai cũng nhận thấy được rằng không có triều đại nào của Trung Quốc từ bỏ tham vọng đánh chiếm Việt Nam. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc luôn coi Việt Nam là quận huyện của họ.

- Nhà Tần đánh Âu Lạc: Nhưng không thành công.
- Nhà Triệu đánh chiếm Âu Lạc: (179 trước Tây lịch)
- Nhà Hán - Tùy Đường: Cai trị Việt Nam trên 1000 năm (111 trước Tây lịch-938 sau Tây lịch)
- Nhà Tống: xua quân đánh Việt Nam hai lần nhưng đều thất bại (987 -1075 - 1077)
- Nhà Nguyên: Đánh Việt Nam 3 lần nhưng không thành công (1258 - 1284 - 1285)
- Nhà Minh: Đánh chiếm Việt Nam trong 20 năm nhưng thất bại.
- Nhà Thanh: Đánh Việt Nam nhưng hoàn toàn thất bại.

Mỗi khi Trung Quốc đánh chiếm được Việt Nam thì bao giờ mở đầu cũng là một cuộc thanh trừng lớn lao và qui mô, để tiêu diệt văn hóa và tư tưởng Việt.

Thái thú Tích Quang và Nhâm Diên thời Tây Hán đã xóa bỏ phong tục tập quán, lễ nghĩa, đạo lý Việt để dạy dân ta lễ nghĩa, luân thường và đạo lý của Trung Quốc.

Mã Viện đời Hán Quang Vũ, sau khi đàn áp cuộc cách mạng của Hai Bà Trưng thì thu hết các trống đồng vì trống đồng là biểu tượng uy quyền của Lạc tướng. Mã Viện còn tâu với vua Hán là luật Việt và luật Hán khác nhau tới hơn 10 điểm và xin áp dụng luật Hán trên đất Việt. Việc bãi bỏ luật pháp cổ hữu của người Việt cùng với việc thủ tiêu chế độ Lạc tướng nằm trong âm mưu đồng hóa người Việt và cố gắng biến đất nước ta trở thành quận huyện của Trung Quốc như Ngô Việt, Mân Việt trước đây.

Cuộc chinh Nam lần này không phải chỉ là một cuộc viễn chinh quân sự mà Minh Thành Tổ đã phát động cuộc chiến tranh xâm lăng để đồng hóa, với chủ ý xóa hẳn nòi giống Việt.

Ý đồ của giới lãnh đạo phương Bắc muốn xóa sạch dấu vết văn hóa Bách Việt (Việt - Di - Khương) khởi từ thời Xuân Thu. Một trong những trí giả du mục nhận thức được hiểm họa văn hóa du mục bị thần hóa bởi nền văn hóa Bách Việt có lẽ là Khổng Khâu (hiệu Khổng Tử), người cố “uốn nắn khéo léo” các ưu điểm của nền văn hóa Bách Việt với ý đồ phục sinh thể chế nhà Chu.

Khổng Tử suốt đời ôm ấp hoài bão phục hoạt chế độ nhà Chu do Chu Công thiết lập. Khổng Tử tự nhận đêm ngủ thường vẫn mộng thấy Chu Công. Sau thời gian chu du các nước, biết giấc mộng không thành ông trở về nước Lỗ dạy học. Một hôm tự than rằng: Quá lắm vậy! Ta suy nhược rồi! Từ lâu, ta chẳng mộng thấy Chu Công (thậm hỉ, ngô suy đã! Cửu hỉ, ngô bất phục mộng kiến Chu Công - Luận ngữ - Thiên Thuật Nhi.

Khổng Tử đã thổ lộ với Tử Lộ rằng “Cho đến nay dân chúng còn được hưởng ân đức của ông ấy. Không có Quản Trọng thì chúng ta phải gióc tóc và cài áo bên trái như người mọi rợ rồi (Luận Ngữ, Chương Hiến Vấn). Nói khác đi là đã bị Bách Việt hóa. Điều này cho thấy Quản Trọng một nhà chính trị đại tài của Trung Quốc đã thành công trong việc đàn áp dẹp yên dân Bách Việt (bình thiên hạ) xây dựng nghiệp bá cho Tề Hoàn Công.

Về chính trị Khổng Tử chủ trương: “Hưng Hóa” (phục vụ đế chế nhà Chu) “Diệt Di” (có cả Bách Việt). Miệng nói nhân nghĩa, nhưng thực chất là chủ trương đồng hóa, diệt chủng các giống dân khác, cho nên đã hết lời khen Quản Trọng. Với chủ trương dùng nhân nghĩa ở đầu môi - thuật nhi bất tác- để thay cho việc binh đao.

Cái đạo đức chuyên lấy của người - thuật nhi bất tác - rồi khéo léo uốn nắn theo nhu cầu của mình, đánh lừa thiên hạ với dã tâm đồng hóa các giống dân khác thành người Tàu. Đó là

sách lược: lùi không đánh, giả bộ lấy đạo đức của người mà đồng hoá họ làm dân mình. Đây là sách lược vô cùng thâm độc của họ Khổng. Do đó Mặc Tử đề xướng thuyết “Kiếm ái” (thương mọi người) để chống lại lối giả nhân giả nghĩa của Khổng Tử. Và Lão Tử chủ trương bình đẳng, tự do, sống hài hòa với tự nhiên trở về với sự chất phát là những giá trị đi ngược lại với chế độ phong kiến nhà Chu kiến dựng trên quân quyền, phu quyền và nam quyền.

Chủ nghĩa bành trướng là nét đặc trưng độc đáo nhất trong sự hình thành nước Trung Quốc, cùng với “bệnh gia truyền” là quyết tâm xóa sạch văn hóa Bách Việt một cách có hệ thống từ Quản Trọng, Khổng Tử cho đến Tôn Dật Tiên (7), Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông và kéo dài cho đến ngày nay.

Thế hệ của Giang Trạch Dân và Hồ Cẩm Đào bây giờ cũng không đi ra ngoài sự chỉ giáo của Khổng Tử: Phải hành động như Quản Trọng dùng văn hóa và quân sự bàn tay sắt bọc nhung tiêu diệt và đồng hóa người Bách Việt thành người Tàu (Hưng Hoa diệt Di). Hiện nay Trung Cộng đang phục hoạt tư tưởng Khổng Tử với mưu đồ dùng văn hóa ảnh hưởng và khống chế các nước Đông Bắc Á và Đông Nam. Theo sự đánh giá của giới thẩm quyền Trung Cộng hiện nay, **giới khoa bảng lớn tuổi Việt Nam** ở trong nước cũng như hải ngoại là những người phổ biến văn hóa, triết học, tư tưởng Khổng Mạnh **tích cực hơn** giới trí thức ở các nước trung vùng Đông Nam Á và có thể hơn cả người Trung Quốc nữa.

Là người Việt Nam, chúng ta không thể nào quên được cái hiểm họa triền miên có tính cách lịch sử, lúc âm ỉ, khi bộc phát, lúc nào cũng treo trên đầu dân tộc ta: Đó là nhu cầu bành trướng mãnh liệt của Trung Quốc về phương Nam. Nhu cầu đầy tham vọng của tộc Hoa Hán. Mà ngày nay chúng ta gọi là Trung Quốc, từ lâu đã thành quốc sách. Dù Trung Quốc có ở trong chế độ Quân chủ chuyên chế, Cộng sản độc tài hay Dân chủ tư bản, mưu đồ Nam tiến vẫn được liên tục duy trì. Tuy chiến lược, chiến thuật có thay đổi mỗi thời mỗi khác.

Là người Việt Nam, nhất là giới trí thức cẩn thận trọng, nếu chỉ thấy được cái ưu việt của người mà không thấy được cái đẹp, cái hay của mình thì dễ sinh ra tệ trạng nô lệ tư tưởng. Nô lệ tư tưởng là nô lệ từ trong tim óc, từ đó phát sinh ra tinh thần vọng ngoại, sợ ngoại, trọng ngoại và ỷ ngoại, để rồi giao sinh mệnh của dân tộc và đất nước mình cho ngoại bang.

Là người Việt Nam, nếu không sáng suốt trong suy nghĩ, trong hành động, trong cách học về Trung Quốc vô tình chúng ta trở thành Đoàn Quân truyền truyền của Trung Quốc.

Chú Thích:

- (1) Thường Xuyên Thủy - Đạo Sống Việt - nxb Ngày Nay năm 2000, trang 16.
- (2) China - The Culture Atlas of the World - Caroline Blunder & Mark Elvin, Storchage Press, 1992, trang 12.
- (3) Theo Lê Chí Thiệp, trích dẫn bởi Trần Ngọc Thêm trong Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam, 1996.
- (4) China Buried Kingdoms - Time - Life Book, 1993, trang 9 - 10.
- (5) Thường Xuyên Thủy sđd, trang 27
- (6) Wilhelm G.Solheim II, PhD - New Light on A Forgotten Past - National Geographic, March 1971, vol 139, No.3
- (7) Sau cách mạng Tân Hợi 1911, Tôn Dật Tiên đã gặp Khuyển Dưỡng Nghị, đảng trưởng Quốc Dân Đảng Nhật Bản. Trong bữa chiều đãi, Khuyển Dưỡng Nghị hỏi Tôn Dật Tiên: “Tôi được biết tiên sinh có dịp qua Hà Nội, xin tiên sinh cho biết tôn ý về dân tộc Việt Nam.

Tôn dật Tiên đáp ngay:

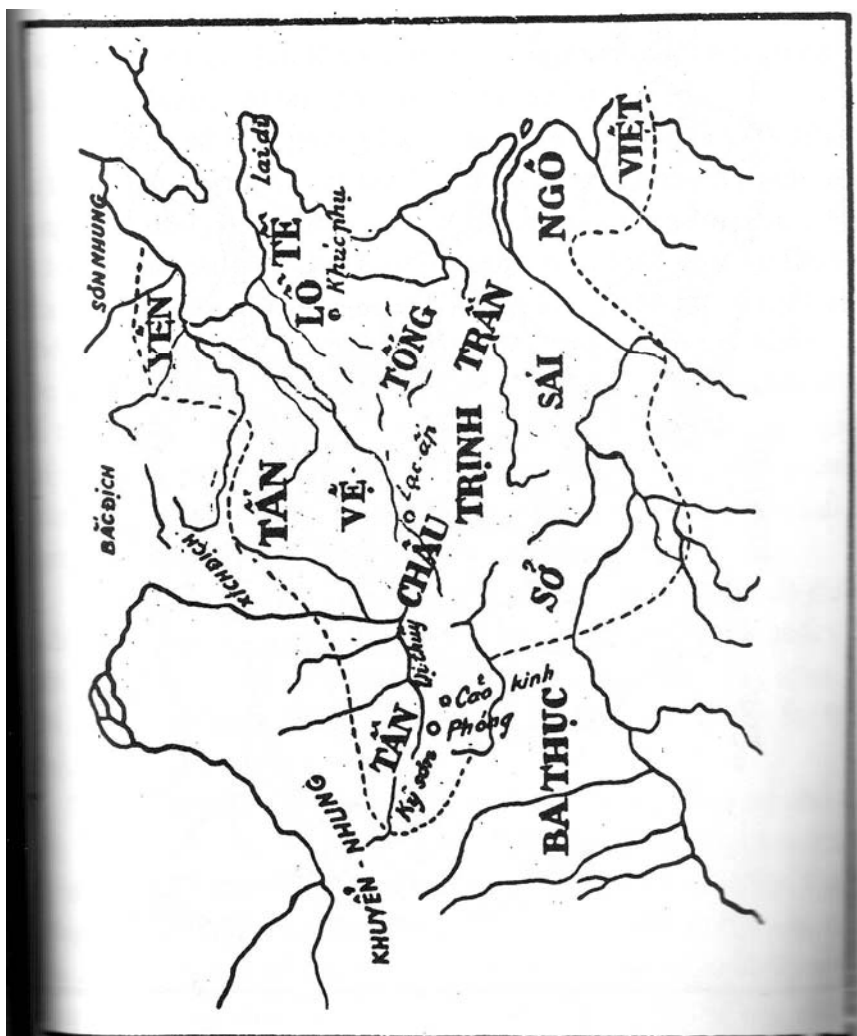
“Người Việt Nam vốn có nô lệ tính. Ngày xưa họ bị chúng tôi đô hộ, ngày nay bị người Pháp cai trị, dân tộc ấy không có tương lai”

Khuyển Dưỡng Nghị đáp:

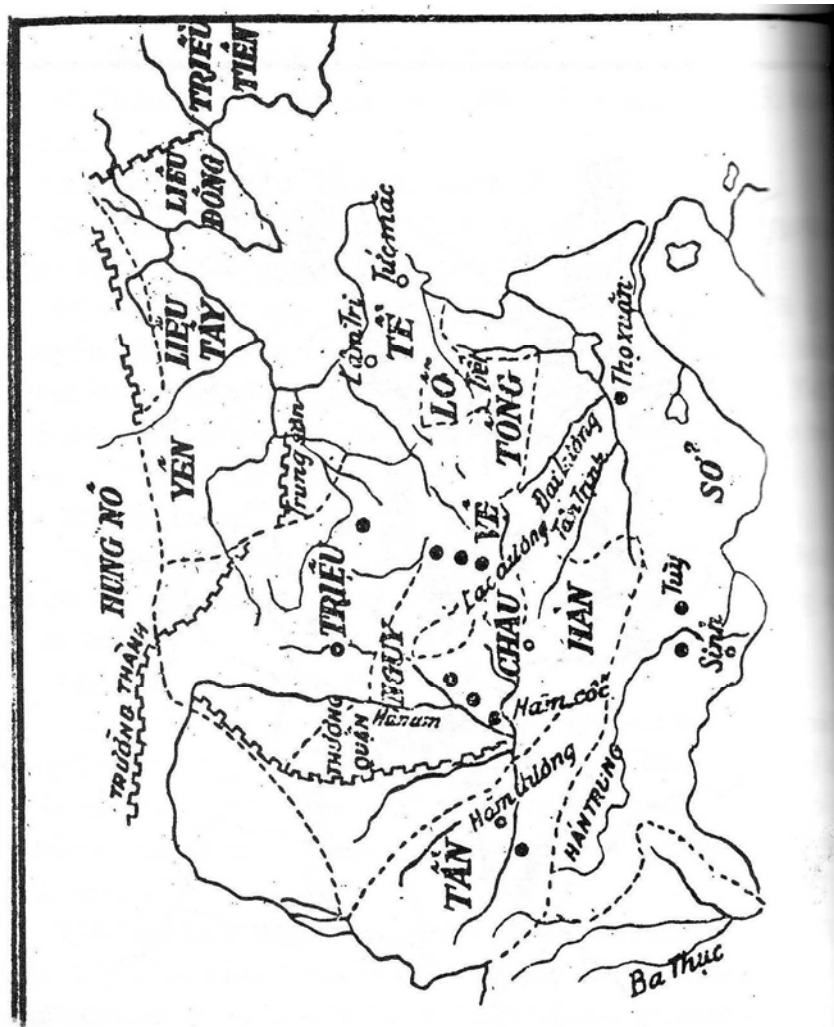
“Về điểm này, người Việt bị người Pháp cai trị vì họ thiếu khí giới tối tân. Nhưng xét theo lịch sử trong số Bách Việt chỉ có họ là thoát khỏi nạn Hán Hóa. Tôi tin rằng một dân tộc đã biết tự hào một cách bền bỉ như vậy thì sớm muộn gì cũng sẽ lấy lại được tự chủ.”. Tôn Dật Tiên đỏ mặt không trả lời vì biết mình nói hớ. Tôn Dật Tiên hiểu rằng Khuyển Dưỡng Nghị ám chỉ ông (TDT) là người Quảng Đông, tổ tiên thuộc nhóm Bách Việt, nhưng kém xa dân Việt vì họ bị Hán Hóa hoàn toàn.

Với chủ trương “Hán tộc thiên triều chủ nghĩa” Tôn Dật Tiên cũng coi Việt Nam là một tỉnh của Tàu như Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông (Phỏng theo Lê Dư, báo Phụ Nữ Tân Văn năm 1941)

(BAN ĐO NUOC TAU THOI XUAN THU)



(BAN DO NUOC TAU THOI CHIEN QUOC)



Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org